TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HS-ST
Ngày: 30-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn và bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Vân Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/ QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với:

Bị cáo: **Trịnh Văn T**, Sinh năm 1998; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn Đ và con bà: Nguyễn Thị T1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/01/2025 đến ngày 25/01/2025 hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B; (vắng mặt)

+ Chị Đặng thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; (vắng mặt)

+ Chị Nông Thị H, sinh năm 2002; địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt)

-... Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ,

thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn T làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L ở Khu công nghiệp V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Từ ngày 20/01/2025 đến ngày 21/01/2025, T đến các cây ATM ở Khu công nghiệp V lén lút thực hiện 03 vụ trộm cắp tiền trong tài khoản của 03 bị hại khác nhau, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 20/01/2025, sau khi hết giờ làm việc tại Công ty, Trịnh Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 30L5-7740 đến cây rút tiền (ATM) của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V) đặt tại cổng A1 Khu công nghiệp V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để rút tiền. Tại đây, T thấy ông Nguyễn Văn Đ1 sử dụng thẻ ATM rút tiền nhiều lần nhưng cây ATM đều báo sai mật khẩu, không rút được tiền. T bảo ông Đ1 đưa thẻ ATM để T rút tiền hộ. Ông Đ1 đồng ý, đưa cho T 01 thẻ ATM của Ngân hàng V có in tên "NGUYEN VAN DUOC" và đọc mật khẩu thẻ ATM cho T biết để rút tiền hộ. T cầm thẻ ATM của ông Đ1 đưa vào cây ATM, nhập mật khẩu thẻ do ông Đ1 cung cấp rồi kiểm tra số dư tài khoản thấy có hơn 5.800.000 đồng, nên nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên. Thấy ông Đ1 không để ý, T hủy giao dịch, lấy thẻ ATM của ông Đ1 cất giấu vào người, đồng thời lấy thẻ ATM Ngân hàng V của T mang tên "TRINH VAN TRUONG" đưa cho ông Đ1 và nói dối cây ATM bị lỗi không rút được tiền. Ông Đ1 nhận lấy thẻ ATM T đưa cho, tưởng là thẻ ATM của mình nên cất vào trong người đồng thời điều khiển xe bỏ đi. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi đến cây ATM Ngân hàng V đặt ở khu vực cột cờ thuộc Khu công nghiệp V (gần ký túc của Công ty L), thị xã V, sử dụng thẻ ATM của ông Đ1 cùng mật khẩu ông Đ1 cung cấp trước đó rút trộm được số tiền 5.800.000 đồng trong tài khoản của ông Đ1. Cùng ngày 20/01/2025, ông Đ1 phát hiện tài khoản Ngân hàng của mình đã bị mất trộm tiền, kiểm tra thẻ ATM phát hiện mang tên "TRINH VAN TRUONG" nên đã dùng kéo cắt thành 04 mảnh.

Vụ thứ hai: Bằng thủ đoạn nêu trên, khoảng 7 giờ 30 phút ngày 21/01/2025, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 30L5-7740 đến cây ATM của Ngân hàng V, đặt tại cổng A1 Khu công nghiệp V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, T gặp chị Đặng Thị D đang rút tiền. Do trước đây có nhiều lần chị D sử dụng thẻ ATM rút tiền thì bị cây ATM tự động giữ lại thẻ, nên chị D nhờ T kiểm tra hộ số dư trong tài khoản Ngân hàng, T đồng ý. Chị D đưa cho T 01 thẻ ATM Ngân hàng V có in tên "DANG THI DUNG" và đọc mật khẩu thẻ cho T. T cầm thẻ ATM của chị D cho vào cây ATM, nhập mật khẩu chị D cung cấp để kiểm tra số dư tài khoản, thấy trong tài khoản còn hơn 4.400.000 đồng, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên. Thấy chị D không để ý, T huỷ giao dịch trên cây ATM, lấy thẻ ATM của chị D cất giấu trong

người, đồng thời lấy thẻ ATM Ngân hàng V tên "NGUYEN VAN DUOC" chiếm đoạt của ông Đ1 trước đó đưa cho chị D, thông báo số dư cho chị D biết và bảo cây ATM này không rút được tiền. Chị D cầm thẻ ATM Trường đưa cho, không kiểm tra lại thẻ, cất vào trong người rồi điều khiển xe bỏ đi. T điều khiển xe mô tô mang theo thẻ ATM của chị D đi đến cây ATM Ngân hàng V đặt ở khu vực cột cờ thuộc Khu công nghiệp V (gần ký túc của công ty L), thị xã V, tỉnh Bắc Giang, sử dụng thẻ ATM của chị D cùng mật khẩu chị D đã cung cấp trước đó rút trộm được số tiền 4.400.000 đồng trong tài khoản của chị D. Cùng ngày chị D phát hiện tài khoản Ngân hàng bị trộm cắp số tiền nêu trên, kiểm tra thẻ ATM thì phát hiện mang tên "NGUYEN VAN DUOC".

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 21/01/2025, T tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 30L5-7740 đi đến cây ATM Ngân hàng V đặt ở khu vực gần cột cờ thuộc Khu công nghiệp V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, T gặp chị Nông Thị H đến rút tiền. Thấy chị H thực hiện thao tác rút tiền nhiều lần trên cây ATM nhưng không rút được tiền, T bảo chị H để T kiểm tra giúp. Chị H đồng ý, đưa cho T 01 thẻ ATM Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 (B) tên "NONG THI HANH" của chị H và đọc mật khẩu cho T. T đưa thẻ ATM của chị H vào cây ATM, nhập mật khẩu chị H đọc cho, kiểm tra tài khoản thấy còn hơn 10.000.000 đồng, nên nảy sinh ý định trộm cắp số tiền này. Trường G kiểm tra tài khoản rồi hủy giao dịch để cây ATM nhả thẻ ra và nói dối chị H cây ATM bị lỗi không rút được tiền. Thấy chị H không để ý, T liền lấy thẻ ATM của chị H cất giấu vào người, đồng thời lấy thẻ ATM Ngân hàng B in tên "BAN VAN TRIEU" do T nhặt được trước đó, không biết là của ai đưa cho chị H. Chị hạnh cầm thẻ ATM T đưa cho, không kiểm tra lại, tưởng là thẻ của mình nên điều khiển xe bỏ đi. Sau đó, T điều khiển xe mô tô mang theo thẻ ATM của chị H đi đến cây ATM Ngân hàng B đặt tại Công ty L thuộc Khu công nghiệp V, thị xã V để rút trộm tiền. Tại đây, T sử dụng thẻ ATM của chị H cho vào cây ATM, nhập mật khẩu chị H cung cấp trước đó rồi rút trộm được tổng số tiền 10.500.000 đồng trong tài khoản của chị H, trong đó: lần thứ nhất rút trộm số tiền 5.000.000 đồng, lần thứ hai rút trộm 3.000.000, lần thứ ba rút trộm 2.500.000 đồng. Cùng ngày 21/01/2025, chị H phát hiện tài khoản Ngân hàng bị mất trộm số tiền nêu trên, kiểm tra thẻ ATM phát hiện mang tên "BAN VAN TRIEU". Chị H đã đến Ngân hàng khóa tài khoản của mình lại, đồng thời đốt bỏ thẻ ATM mang tên "BAN VAN TRIEU".

Ngày 21/01/2025 và 23/01/2025, lần lượt chị Đặng Thị D, ông Nguyễn Văn Đ1 đến Đồn Công an Q trình báo sự việc bị trộm cắp tiền trong tài khoản ATM; chị D giao nộp 01 thẻ ATM Ngân hàng V có in tên "NGUYEN VAN DUOC", ông Đ1 giao nộp 01 thẻ ATM Ngân hàng V in tên "TRINH VAN TRUONG" bị cắt thành 04 mảnh.

Ngày 23/01/2025, biết hành vi phạm tội đã bị phát hiện, Trịnh Văn T đã đến Đồn Q đầu thú và giao nộp: 01 thẻ ATM của Ngân hàng V in tên "DANG THI DUNG"; 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "NONG THI HANH"; 01 Căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T; 01 đăng ký mô tô, xe máy mang tên

Nguyễn Thế T2; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 30L5- 7740; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold. Cùng ngày, Đồn Công an Q đã bàn giao T cùng toàn bộ vật chứng, tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã cho Trịnh Văn T xác định vị trí các cây ATM nơi T đã đánh tráo thẻ Ngân hàng và cây ATM nơi T rút trộm tiền trong tài khoản của ông Đ1, chị D, chị H; kết quả, T chỉ được chính xác vị trí các cây ATM nơi thực hiện tội phạm.

Cơ quan điều tra tiến hành cho ông Đ1, chị D nhận dạng người đánh tráo thẻ ATM; kết quả ông Đ1, chị D nhận ra Trịnh Văn T.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại di động của ông Đ1, chị D, chị H và tra cứu lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng của ông Đ1, chị D, chị H nêu trên đều thể hiện có lịch sử rút tiền tại cây ATM ngày 20/01/2025 và ngày 21/01/2025 với số tiền như nêu trên.

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "BAN VAN TRIEU", T khai nhặt được của người khác tại Khu Công nghiệp V, thị xã V, không biết là của ai, không chiếm đoạt tiền của tài khoản này, chị H khai đã đốt đi; Ngân hàng B không xác định được thông tin chủ thẻ ATM nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng:

-01 thẻ ATM Ngân hàng V có in tên "NGUYEN VAN DUOC".

-01 thẻ ATM Ngân hàng V in tên "TRINH VAN TRUONG" bị cắt thành 04 mảnh.

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng V in tên "DANG THI DUNG".

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "NONG THI HANH".

- 01 Căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 30L5- 7740 cùng đăng ký xe.

Cơ quan điều tra chuyển vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "BAN VAN TRIEU", chị H khai đã đốt đi; Ngân hàng B không xác định được thông tin chủ thẻ ATM nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động bố đẻ là ông Trịnh Văn Đ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Đ1, chị D, chị H. Ông Đ1, chị D, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nào khác, ông Đ không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số: 84/CT-VKS ngày 16/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như tại Cơ quan điều tra đã khai nhận, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về vật chứng:

Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng V có in tên "NGUYEN VAN DUOC"; 01 thẻ ATM Ngân hàng V in tên "TRINH VAN TRUONG" bị cắt thành 04 mảnh; 01 thẻ ATM của Ngân hàng V in tên "DANG THI DUNG"; 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "NONG THI HANH". Do các bị hại đã làm lại thẻ nên không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold của bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 30L5- 774001 cùng đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thế T2, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà xác định thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trịnh Văn Đ, do vậy cần trả lại cho ông Đ.

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "BAN VAN TRIEU", chị H khai đã đốt đi nên không đề cập xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Văn Đ xác nhận đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Đ1, chị D, chị H thay cho bị cáo. Ông Đ1, chị D, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự, ông Đ không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại. Do vậy không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên về tội danh cũng như hình phạt. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã V (nay là Cơ quan điều công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đảm bảo theo trình tự tố tụng hình sự.

[2] Xét về tội danh của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm, diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 20/01/2025 và ngày 21/01/2025, Trịnh Văn T đã 03 lần lén lút đánh tráo thẻ ATM của ba bị hại khi những bị hại nhờ rút tiền và kiểm tra tiền trong tài khoản hộ. Sau đó, T nhiều lần dùng thẻ ATM chiếm đoạt được đến cây ATM ở thị xã V để trộm cắp tiền trong tài khoản của các chủ thẻ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 20/01/2025, tại cây ATM của Ngân hàng V đặt tại cổng A1 Khu công nghiệp V, thị xã V, lợi dụng việc ông Nguyễn Văn Đ1 đưa thẻ Ngân hàng ATM cùng mật khẩu nhờ rút hộ tiền; T đã đánh tráo thẻ ATM của ông Đ1 rồi mang đến cây ATM của Ngân hàng V đặt tại khu vực cột cờ thuộc Khu công nghiệp V, thị xã V rút trộm số tiền 5.800.000 đồng trong tài khoản của ông Đ1.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/01/2025, tại cây ATM của Ngân hàng V đặt tại cổng A1 Khu công nghiệp V, thị xã V, lợi dụng chị D đưa thẻ Ngân hàng ATM cùng mật khẩu thẻ nhờ kiểm tra hộ số dư tài khoản; T đã đánh tráo thẻ ATM của chị D rồi mang đến cây ATM của Ngân hàng V đặt tại khu vực cột cờ thuộc Khu công nghiệp V, thị xã V rút trộm số tiền 4.400.000 đồng trong tài khoản của chị D.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 21/01/2025, tại cây ATM của Ngân hàng V đặt tại khu vực cột cờ thuộc Khu công nghiệp V, thị xã V, lợi dụng chị H đưa thẻ Ngân hàng ATM cùng mật khẩu nhờ rút hộ tiền, T đã đánh tráo thẻ ATM của chị D rồi mang đến cây ATM của Ngân hàng B đặt tại Công ty L thuộc Khu công nghiệp V, thị xã V rút trộm 03 lần được tổng số tiền 10.500.000 đồng trong tài khoản của chị H.

Tổng số tiền T trộm cắp được trong ba vụ là 20.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp được, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến địa bàn xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự có hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, tài sản trong mỗi lần phạm tội đều đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Đầu thú" "tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả" theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Do bị cáo có nhân thân tốt, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại, được những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt cho xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa

đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, sống chung cùng gia đình, không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Vật chứng:

Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng V có in tên "NGUYEN VAN DUOC"; 01 thẻ ATM Ngân hàng V in tên "TRINH VAN TRUONG" bị cắt thành 04 mảnh; 01 thẻ ATM của Ngân hàng V in tên "DANG THI DUNG"; 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "NONG THI HANH". Do các bị hại đã làm lại thẻ nên không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold của bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 30L5- 774001 cùng đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thế T2, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà xác định thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trịnh Văn Đ, do vậy cần trả lại cho ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "BAN VAN TRIEU", chị H khai đã đốt đi; Ngân hàng B không xác định được thông tin chủ thẻ ATM nên không đề cập xử lý.

[8] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động bố đẻ là ông Trịnh Văn Đ, tại phiên toà ông Trịnh Văn Đ xác nhận đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Đ1, chị D, chị H thay cho bị cáo. Ông Đ1, chị D, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nào khác, ông Đ không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại. Do vậy không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2.Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ: 01 thẻ ATM Ngân hàng V có in tên "NGUYEN VAN DUOC"; 01 thẻ ATM Ngân hàng V in tên "TRINH VAN TRUONG" bị cắt thành 04 mảnh; 01 thẻ ATM của Ngân hàng V in tên "DANG THI DUNG"; 01 thẻ ATM của Ngân hàng B in tên "NONG THI HANH".

Trả cho bị cáo 01 Căn cước công dân mang tên Trịnh Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold của bị cáo nhưng tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Trả cho ông Trịnh Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 30L5- 774001 cùng giấy đăng ký mô tô, xe máy số 008400.

(theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 23/5/2025 giữa Cơ quan điều tra công an tỉnh B và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

3. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136, Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Án xử sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Công an thị xã Việt Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS thị xã Việt Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh